

Số: /QĐ-TTPY

Khánh Hòa, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành tạm thời Biểu chi phí giám định
tư pháp trong lĩnh vực pháp y

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁP Y TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/11/2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng; Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng, quy định thủ tục tạm ứng chi phí giám định;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ và Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 85/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 18588/BTC-CST ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính về việc thu chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn tổ chức Trung tâm Pháp y Khánh Hòa; Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức của Trung tâm Pháp y tỉnh Khánh Hòa trực thuộc Sở Y tế;

Theo đề nghị của Phòng Tổ chức hành chính - Kế hoạch tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng nộp chi phí giám định

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi nộp hồ sơ trưng cầu giám định phải nộp chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y đối với các vụ án hình sự.

2. Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ yêu cầu trưng cầu giám định phải nộp chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y đối với vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

3. Người yêu cầu giám định là người nghèo theo quy định của Chính phủ không phải nộp chi phí giám định tư pháp. Khoản chi phí này do ngân sách nhà nước chi trả.

Điều 2. Mức thu chi phí giám định

1. Chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y không bao gồm tiền bồi dưỡng giám định tư pháp. Tiền bồi dưỡng giám định tư pháp thực hiện theo quy định về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.

2. Mức thu chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y được tạm áp dụng theo biểu phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y tại Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025, là cơ sở để Trung tâm Pháp y tỉnh Khánh Hòa thu chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y trong thời gian Bộ Tài chính chưa ban hành biểu thu chi phí giám định.

Điều 4. Trưởng các khoa, phòng thuộc Trung tâm Pháp y; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Y tế (VBĐT);
- Lãnh đạo TTPY (VBĐT);
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Ngọc Viện

Phụ lục
BIỂU CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC PHÁP Y
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPY ngày /01/2025
của Trung tâm Pháp y tỉnh Khánh Hòa)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Giám định tổng hợp:		
1.1	Giám định sức khỏe	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.1	Giám định tổn hại sức khỏe	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.2	Giám định sức khỏe và xác định vật gây thương tích	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.3	Giám định lại tổn hại sức khỏe	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.4	Giám định sức khỏe trước khi thi hành án tử hình	Đồng/trường hợp	535.000
1.1.5	Giám định hồ sơ (khi người được giám định đã chết)	Đồng/trường hợp	480.000
1.2	Giám định hiệp dâm	Đồng/trường hợp	665.000
1.3	Giám định tuổi	Đồng/trường hợp	505.000
1.4	Giám định giới tính	Đồng/trường hợp	505.000
1.5	Khám sức khỏe tiền hôn nhân	Đồng/trường hợp	245.000
1.6	Giám định vật gây thương tích		
1.6.1	Giám định vật gây thương tích	Đồng/trường hợp	480.000
1.6.2	Giám định xác định vật gây thương tích	Đồng/trường hợp	140.000
1.7	Hội chẩn các chuyên ngành		
1.7.1	Hội chẩn các chuyên ngành trên hồ sơ	Đồng/trường hợp	505.000
1.7.2	Hội chẩn các chuyên ngành có mặt người được giám định	Đồng/trường hợp	640.000
1.8	Giám định Hội đồng cấp bộ		
1.8.1	Giám định Hội đồng cấp bộ trên hồ sơ	Đồng/trường hợp	715.000
1.8.2	Giám định Hội đồng cấp bộ có mặt người được giám định	Đồng/trường hợp	845.000
2	Giám định Tử thi - Hài cốt:	Đồng/trường hợp	

2.1	Giám định tử thi		
2.1.1	Giám định tử thi chết dưới 48 giờ	Đồng/trường hợp	1.480.000
2.1.2	Giám định tử thi chết từ 48 giờ đến 7 ngày, hoặc còn trong 48 giờ nhưng phải khai quật	Đồng/trường hợp	1.480.000
2.1.3	Giám định tử thi để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày nhưng phải khai quật	Đồng/trường hợp	1.430.000
2.1.4	Giám định tử thi để quá 7 ngày mà phải khai quật	Đồng/trường hợp	1.430.000
2.1.5	Giám định không phải mổ tử thi dưới 48 giờ	Đồng/trường hợp	890.000
2.1.6	Giám định không mổ tử thi từ 48 giờ đến 7 ngày, hoặc còn trong 48 giờ nhưng phải khai quật	Đồng/trường hợp	970.000
2.1.7	Giám định không mổ tử thi để quá 7 ngày, hoặc còn trong 7 ngày mà phải khai quật	Đồng/trường hợp	890.000
2.1.8	Giám định không mổ tử thi để quá 7 ngày mà phải khai quật	Đồng/trường hợp	890.000
2.1.9	Giám định tử thi bằng chụp XQ	Đồng/trường hợp	910.000
2.1.10	Giám định tử thi bằng chụp Scanner	Đồng/trường hợp	1.790.000
2.1.11	Giám định tử thi bằng chụp cộng hưởng từ (MRI)	Đồng/trường hợp	2.390.000
2.1.12	Giám định tử thi bằng chụp 3D	Đồng/trường hợp	3.390.000
2.1.13	Giám định sau khi thi hành án tử hình	Đồng/trường hợp	730.000
2.2	Giám định hài cốt	Đồng/trường hợp	1.610.000
2.3	Giám định hồ sơ		
2.3.1	Giám định hồ sơ	Đồng/trường hợp	410.000
2.3.2	Giám định hồ sơ và tang vật	Đồng/trường hợp	535.000
2.4	Thực nghiệm phục vụ Giám định pháp y	Đồng/trường hợp	2.790.000
2.5	Giám định chết não, thu giữ mô, tạng hiến tặng	Đồng/trường hợp	2.860.000

2.6	Lưu giữ bảo quản tử thi	Đồng/trường hợp	2.760.000
3	Giám định hóa pháp		
3.1	Xử lý mẫu	Đồng/mẫu	455.000
3.1.2	Chất độc bay hơi (01 chất), định lượng Ethanol (phương pháp sắc ký khí phải qua xử lý)	Đồng/mẫu	615.000
3.1.3	Phương pháp sắc ký khí (GC)	Đồng/mẫu	610.000
3.2	Các chất độc hữu cơ:	Đồng/mẫu	
3.2.1	Phương pháp hóa học 01 chất	Đồng/mẫu	400.000
3.2.2	Ph-ương pháp quang phổ tử ngoại	Đồng/mẫu	200.000
3.2.3	Sắc ký lớp mỏng	Đồng/mẫu	200.000
3.2.4	Phương pháp sắc ký khí	Đồng/mẫu	610.000
3.2.5	Ph-ương pháp sắc ký lỏng	Đồng/mẫu	605.000
3.2.6	Phu-ong pháp sắc ký khí - khối phổ	Đồng/mẫu	1.000.000
3.2.7	Ph-ương pháp sắc ký lỏng - khối phổ	Đồng/mẫu	1.035.000
3.2.8	Ph-ương pháp sinh vật (thử độc tính bất thường)	Đồng/mẫu	400.000
3.3	Các chất vô cơ:		
3.3.1	Phu-ong pháp sấy nung	Đồng/mẫu	600.000
3.3.2	Ph-ương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử một nguyên tố	Đồng/mẫu	600.000
3.3.3	Xác định các chất gây nghiện bằng phương pháp sắc ký lỏng (HPLC) phải qua xử lý	Đồng/mẫu	600.000
3.3.4	Chi phí khác	Đồng/mẫu	445.000
4	Giám định Mô bệnh học		
4.1	Giám định Mô bệnh học (trường hợp ≤ 5 mẫu)	Đồng/trường hợp	790.000
4.2	Giám định Mô bệnh học (trường hợp > 5 mẫu)	Đồng/trường hợp	1.010.000
5	Lưu trữ bảo quản mô ghép (ngân hàng mô)	Đồng/trường hợp	73.180.000

6	Giám định ADN		
6.1	Giám định ADN (ADN trong nhân)		
6.1.1	Giám định ADN (ADN trong nhân 01 mẫu)	Đồng/trường hợp	3.310.000
6.1.2	Giám định ADN (ADN trong nhân 03 mẫu)	Đồng/trường hợp	9.930.000
6.1.3	Giám định ADN (ADN trong nhân 02 mẫu)	Đồng/trường hợp	8.950.000
6.2	Giám định ADN ty thể của 01 mẫu	Đồng/trường hợp	4.685.000
6.3	Giám định dấu vết sinh học (lông, tóc, máu, tinh trùng...) của 01 mẫu	Đồng/trường hợp	3.310.000
6.4	Giám định nhiễm sắc thể giới tính của 01 mẫu	Đồng/trường hợp	660.000
7	Lưu trữ ADN (ngân hàng và tàng thư ADN):		
7.1	Phân tích và lưu trữ mật mã ADN trong nhân (Tàng thư ADN)	Đồng/mẫu	3.280.000
7.2	Phân tích và lưu trữ mật mã ADN ty thể (Tàng thư ADN)	Đồng/mẫu	4.345.000
7.3	Lưu trữ ADN (ngân hàng ADN)	Đồng/mẫu	73.230.000
8	Cận lâm sàng phục vụ giám định pháp y:		
8.1	Điện não đồ	Đồng/trường hợp	140.000
8.2	Siêu âm	Đồng/trường hợp	
8.2.1	Siêu âm 2D	Đồng/trường hợp	90.000
8.2.2	Siêu âm 3D, 4D	Đồng/trường hợp	180.000
8.3	Điện tâm đồ	Đồng/trường hợp	75.000
8.4	X. Quang thông thường	Đồng/trường hợp	80.000
8.5	Chụp CT Scanner	Đồng/trường hợp	960.000
8.6	Chụp cộng hưởng từ (MRI)	Đồng/trường hợp	1.560.000
8.7	Chụp cắt lớp 3D (MSCT: Multislice Computed Tomography)	Đồng/trường hợp	2.560.000